



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Thân Hồng Linh	Chủ tịch	
Ông Trần Đức Toàn	Thành viên	
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên	
Ông Tống Văn Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2023
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Đức Toàn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trường Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phúc	Trưởng ban
Ông Hoàng Khánh Duy	Thành viên
Ông Phạm Vũ Thành	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đề La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KTS. Trần Đức Toàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 250823.008/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa hoàn thành xong thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với bất động sản đầu tư là 494m² sàn tầng 4, tòa nhà VG Building nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng - CCBM, nguyên giá và hao mòn lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 lần lượt là 11,86 tỷ VND và 3,25 tỷ VND (Xem tại Thuyết minh số 12). Việc trình bày khoản mục này phụ thuộc hồ sơ pháp lý của tài sản khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng, do đó chúng tôi không xác định được các điều chỉnh cần thiết (nếu có) liên quan đến khoản mục này.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		315.533.726.250	308.579.964.713
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	35.907.541.031	39.165.612.469
111	1. Tiền		20.907.541.031	13.165.612.469
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	26.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	139.120.000.000	136.030.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		139.120.000.000	136.030.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.478.757.300	60.172.170.635
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	58.870.861.075	60.278.379.912
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.480.220.617	751.561.136
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.665.264.359	9.841.308.338
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.537.588.751)	(10.699.078.751)
140	IV. Hàng tồn kho	9	78.138.651.368	72.748.408.927
141	1. Hàng tồn kho		78.138.651.368	72.748.408.927
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		888.776.551	463.772.682
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	888.776.551	463.772.682
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		253.072.019.986	259.207.452.696
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		107.902.000	107.902.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		107.902.000	107.902.000
220	II. Tài sản cố định		86.802.809.177	89.663.254.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	84.093.529.177	86.383.234.743
222	- Nguyên giá		117.883.312.692	118.441.464.692
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(33.789.783.515)	(32.058.229.949)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.709.280.000	3.280.020.000
228	- Nguyên giá		9.804.648.420	9.804.648.420
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.095.368.420)	(6.524.628.420)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	8.603.478.488	8.794.704.296
231	- Nguyên giá		11.856.000.000	11.856.000.000
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.252.521.512)	(3.061.295.704)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	155.155.538.883	155.155.538.883
251	1. Đầu tư vào công ty con		68.243.850.433	68.243.850.433
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		48.885.994.941	48.885.994.941
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38.025.693.509	38.025.693.509
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.402.291.438	5.486.052.774
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.402.291.438	5.486.052.774
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		568.605.746.236	567.787.417.409

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTC

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		189.606.784.184	186.869.032.518
310	I. Nợ ngắn hạn		189.305.116.864	186.730.314.638
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	7.047.102.411	11.582.374.249
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	108.022.614.166	107.970.839.328
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.294.871.827	3.683.350.916
314	4. Phải trả người lao động		7.831.799.581	17.412.913.047
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	451.460.919	790.407.363
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		286.257.847	235.526.693
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	55.722.169.744	38.933.067.401
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	634.422.000	634.422.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.014.418.369	5.487.413.641
330	II. Nợ dài hạn		301.667.320	138.717.880
337	1. Phải trả dài hạn khác		301.667.320	138.717.880
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		378.998.962.052	380.918.384.891
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	378.797.223.152	380.918.384.891
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		357.744.480.000	357.744.480.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		357.744.480.000	357.744.480.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.267.881.744	5.267.881.744
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.784.861.408	17.906.023.147
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		15.784.861.408	17.906.023.147
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		201.738.900	-
431	1. Nguồn kinh phí		201.738.900	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		568.605.746.236	567.787.417.409

Trịnh Tuấn Anh

Trịnh Tuấn Anh
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	95.196.820.381	90.581.522.986
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		95.196.820.381	90.581.522.986
11	4. Giá vốn hàng bán	23	79.991.322.023	76.060.528.650
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.205.498.358	14.520.994.336
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	13.987.164.452	10.946.719.713
22	7. Chi phí tài chính		9.203.513	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.255.755.473	11.667.333.195
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.927.703.824	13.800.380.854
31	11. Thu nhập khác	26	446.363.636	140.610.500
32	12. Chi phí khác	27	296.408.864	144.229.798
40	13. Lợi nhuận khác		149.954.772	(3.619.298)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.077.658.596	13.796.761.556
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	1.292.797.188	899.775.371
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.784.861.408	12.896.986.185



Trịnh Tuấn Anh
Người lập



Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		17.077.658.596	13.796.761.556
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.081.671.374	2.571.262.809
03	- Các khoản dự phòng		(161.490.000)	(72.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		9.203.513	(36.726.403)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.133.073.543)	(10.909.993.310)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.873.969.940	5.349.304.652
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.547.901.053	6.783.115.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.390.242.441)	(4.506.857.273)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(12.153.829.235)	6.293.617.576
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.083.761.336	5.289.644.275
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(53.797.717)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		578.419.550	593.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.340.281.069)	(3.800.794.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.800.300.866)	15.947.233.259
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.000.000)	(61.652.400)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		145.909.091	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(7.590.000.000)	(12.150.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.500.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(166.431.502)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.536.848.800	7.835.187.310
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		7.562.757.891	(4.542.896.592)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.324.950)	(111.150)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.324.950)	(111.150)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.248.867.925)	11.404.225.517
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		39.165.612.469	55.927.267.079
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(9.203.513)	36.726.403
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>35.907.541.031</u>	<u>67.368.218.999</u>


Trịnh Tuấn Anh
Người lập

Nguyễn Thị Đoan Trang
Kế toán trưởngKTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ 04 ngày 31 tháng 07 năm 2023. Tổng Công ty đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 357.744.480.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 357.744.480.000 VND; tương đương 35.774.448 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 451 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 443 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là dịch vụ tư vấn xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng; Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc sau:

Chi nhánh Tư vấn giám sát và quản lý dự án

Trung tâm Khoa học Công nghệ Xây dựng và Môi trường

Chi nhánh Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam

Địa chỉ

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

244 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Lầu 7 - Tòa nhà HUD 159 Điện Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc và được điều chỉnh theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Biên bản quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm ngày 07 tháng 10 năm 2016 do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam lập ngày 10 tháng 10 năm 2018 và Quyết định 607/QĐ-BXD ngày 24/05/2021 về giá trị vốn Nhà Nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam sang Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - CTCP). Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho của Tổng Công ty chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được điều chỉnh lại theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 08 năm 2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	31 năm
--------------------------	--------

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 tháng đến 36 tháng.

- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm. Thực hiện theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính Phủ, Tổng Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí hoạt động kinh doanh đến 30 tháng 11 năm 2023.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 04 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước các hợp đồng tư vấn, chi phí hoạt động quản lý của Tổng Công ty... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của riêng giữa niên độ Tổng Công ty sau khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên được thông qua.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty chủ yếu trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	9.474.194.124	2.869.524.938
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.433.346.907	10.296.087.531
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	26.000.000.000
	35.907.541.031	39.165.612.469

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Vinpearl - CN Kiên Giang	3.066.309.000	(3.066.309.000)	3.066.309.000	(3.066.309.000)
- Công an tỉnh Quảng Ninh	207.000.000	-	3.726.000.000	-
- Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	227.218.410	-	3.218.999.824	-
- Công an tỉnh Sóc trăng	6.544.809.000	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	4.722.600.000	-	-	-
- Công ty TNHH Chiyoda Việt Nam	3.071.530.828	-	-	-
- Các khách hàng khác	41.031.393.837	(7.471.279.751)	50.267.071.088	(7.632.769.751)
	58.870.861.075	(10.537.588.751)	60.278.379.912	(10.699.078.751)

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	139.120.000.000	-	136.030.000.000	-
	139.120.000.000	-	136.030.000.000	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào các Công ty con				
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	68.243.850.433	-	68.243.850.433	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	11.599.524.738	-	11.599.524.738	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	10.152.212.002	-	10.152.212.002	-
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	14.039.197.402	-	14.039.197.402	-
Đầu tư vào các Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	32.452.916.291	-	32.452.916.291	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	48.885.994.941	-	48.885.994.941	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	16.079.573.733	-	16.079.573.733	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	5.723.981.751	-	5.723.981.751	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	4.984.415.910	-	4.984.415.910	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND)	22.098.023.547	-	22.098.023.547	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	38.025.693.509	-	38.025.693.509	-
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	21.114.000.000	-	21.114.000.000	-
	6.626.292.837	-	6.626.292.837	-
	8.860.349.441	-	8.860.349.441	-
	1.425.051.231	-	1.425.051.231	-
	155.155.538.883	-	155.155.538.883	-

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCV

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Đầu tư vào Công ty con

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn thiết kế xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	Hà Nội	51,00%	51,00%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	Hà Nội	57,76%	57,76%	Khảo sát xây dựng

Đầu tư vào Công ty liên kết

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Hà Nội	35,35%	35,35%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Hà Nội	49,00%	49,00%	Kiểm định xây dựng
- Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Hà Nội	49,00%	49,00%	Tin học và tư vấn Xây dựng
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Hồ Chí Minh	48,57%	48,57%	Tư vấn xây dựng

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Hà Nội	19,70%	19,70%	Tư vấn xây dựng
- Công ty Cổ phần Bất động sản LILAMA (LILAMA LAND)	Hà Nội	6,21%	6,21%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng, kinh doanh BĐS
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	Hà Nội	13,80%	13,80%	Tư vấn xây dựng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	150.000.000	-	150.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Phát triển Đô thị HTG Hà Nội	165.960.000	-	165.960.000	-
- Công ty TNHH Concept Warehouse	264.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Du lịch PYS	216.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Kỹ thuật VIETMEP	150.060.900	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	534.199.717	-	435.601.136	-
	1.480.220.617	-	751.561.136	-

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.836.339.960	-	2.386.024.308	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	39.529.882	-	670.996	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	4.349.024	-	-	-
- Tạm ứng	3.107.619.491	-	2.918.653.491	-
- Phải thu thù lao người đại diện vốn	402.029.328	-	304.266.660	-
- Phải thu thuế TNCN	701.064.956	-	2.613.842.591	-
- Phải thu khác	1.574.331.718	-	1.617.850.292	-
	11.665.264.359	-	9.841.308.338	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Chi tiết theo đối tượng

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	5.098.354.308	-	2.567.224.308	-
- Phải thu Cổ tức	4.951.354.308	-	2.386.024.308	-
+ Công ty Cổ phần	2.386.024.308	-	2.386.024.308	-
Khảo sát và Xây dựng (USCO)				
+ Công ty Cổ phần	1.560.240.000	-	-	-
Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)				
+ Công ty Cổ phần	509.040.000	-	-	-
Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)				
+ Công ty Cổ phần	496.050.000	-	-	-
Công nghệ và Tư vấn CIC				
- Phải thu thù lao người đại diện vốn	147.000.000	-	181.200.000	-
+ Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	-	-	10.200.000	-
+ Công ty Cổ phần	84.000.000	-	72.000.000	-
Khảo sát và Xây dựng (USCO)				
+ Công ty Cổ phần	12.000.000	-	-	-
Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)				
+ Công ty Cổ phần	51.000.000	-	99.000.000	-
Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)				
Bên khác	6.566.910.051	-	7.274.084.030	-
Các đối tượng khác	6.566.910.051	-	7.274.084.030	-
	11.665.264.359	-	9.841.308.338	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

8 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban quản lý dự án Sở y tế Hà Nội	96.530.000	-	96.530.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	167.867.000	-	167.867.000	-
- Công ty Cổ phần Vinpearl - CN Kiên Giang	3.066.309.000	-	3.066.309.000	-
- Công ty Cổ phần Xây Dựng số 1 Hà Nội	899.596.800	-	899.596.800	-
- Công ty Cổ phần Tường kính TID	773.932.585	-	773.932.585	-
- Công ty TNHH Tập đoàn Bitexco	694.000.000	-	694.000.000	-
- UBND thị xã Phúc Yên	341.861.000	-	341.861.000	-
- Các khoản khác	4.497.492.366	-	4.658.982.366	-
	10.537.588.751	-	10.699.078.751	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho của Tổng Công ty là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:				
Dự án tòa nhà hỗn hợp N01-T6,7 Khu Ngoại giao đoàn	2.157.947.982	-	1.161.013.773	-
Bệnh viện Nhi đồng TP. Hồ Chí Minh	-	-	3.294.305.730	-
Dự án Antares Đại Dương	1.755.904.750	-	1.668.130.071	-
Dự án Starlake Urban Complex	1.035.491.292	-	1.704.117.870	-
Khu du lịch sinh thái Bãi Lữ	1.366.844.376	-	1.254.595.257	-
Các dự án khác	71.822.462.968	-	63.666.246.226	-
	78.138.651.368	-	72.748.408.927	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	69.957.264.549	38.249.868.046	8.488.903.841	1.745.428.256	118.441.464.692
- Mua trong kỳ	-	-	-	30.000.000	30.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.152.000)	-	(588.152.000)
Số dư cuối kỳ	69.957.264.549	38.249.868.046	7.900.751.841	1.775.428.256	117.883.312.692
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.343.035.801	14.103.880.559	6.082.064.206	1.529.249.383	32.058.229.949
- Khấu hao trong kỳ	840.613.215	1.285.084.005	150.995.248	43.013.098	2.319.705.566
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(588.152.000)	-	(588.152.000)
Số dư cuối kỳ	11.183.649.016	15.388.964.564	5.644.907.454	1.572.262.481	33.789.783.515
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	59.614.228.748	24.145.987.487	2.406.839.635	216.178.873	86.383.234.743
Tại ngày cuối kỳ	58.773.615.533	22.860.903.482	2.255.844.387	203.165.775	84.093.529.177

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.721.114.464 VND.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	9.804.648.420
Số dư cuối kỳ	<u>9.804.648.420</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.524.628.420
- Khấu hao trong kỳ	570.740.000
Số dư cuối kỳ	<u>7.095.368.420</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	3.280.020.000
Tại ngày cuối kỳ	<u>2.709.280.000</u>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.692.248.420 VND.

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tầng 4, tòa nhà VG Building nhận bàn giao từ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Vật liệu xây dựng - CCBM, đã được ghi nhận tại hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tổng Công ty phê duyệt tại Quyết định 980/QĐ-BXD ngày 25/08/2015 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam. Tổng Công ty vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu của bất động sản đầu tư này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư và giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2023 lần lượt là 11.856.000.000 VND và 3.252.521.512 VND, khấu hao trong kỳ là 191.225.808 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	528.794.929	531.061.757
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	1.873.496.509	4.121.692.317
Giá trị còn lại của Trục sở Tổng Công ty theo quyết định của Bộ Xây dựng	-	833.298.700
	<u>2.402.291.438</u>	<u>5.486.052.774</u>

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp bao gồm: Giá trị lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định 980/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25/08/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/01/2015. Chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh không quá 10 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần từ ngày 07/10/2016, giá trị ban đầu là 16.788.430.937 VND và Giá trị lợi thế kinh doanh bổ sung theo Biên bản làm việc của Thanh tra Chính phủ tháng 01/2020 được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tính từ thời điểm ngày 01/07/2020, giá trị bổ sung là 846.814.775 VND. Thực hiện theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính Phủ, Tổng Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí hoạt động kinh doanh đến 30/11/2023.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đề La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		30/06/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
		VND	nợ	VND	nợ
a)	Bên liên quan	1.093.235.591	1.093.235.591	127.009.117	127.009.117
	- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	1.045.185.185	1.045.185.185	-	-
	- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	48.050.406	48.050.406	127.009.117	127.009.117
b)	Bên khác	5.953.866.820	5.953.866.820	11.455.365.132	11.455.365.132
	- Công ty Cổ phần INNO	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757	1.057.684.757
	- Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Anh Kiệt	834.025.610	834.025.610	834.025.610	834.025.610
	- Công ty TNHH MTV Kiến trúc sư Việt Nam	-	-	2.184.005.250	2.184.005.250
	- Công ty TNHH tư vấn Đại học Xây Dựng	-	-	1.139.481.000	1.139.481.000
	- Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng điện Thăng Long	105.000.000	105.000.000	825.000.000	825.000.000
	- Các đối tượng khác	3.957.156.453	3.957.156.453	5.415.168.515	5.415.168.515
		7.047.102.411	7.047.102.411	11.582.374.249	11.582.374.249

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH SLUC	4.017.000.000	5.087.500.000
Công ty TNHH Chiyoda Việt Nam	212.500.000	5.068.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	116.000.002	116.000.002
Công ty Cổ phần Vega City	391.879.631	1.041.761.293
Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	4.438.094.295	4.438.094.295
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Tân Á Đại Thành	2.700.000.000	2.700.000.000
Người mua trả tiền trước khác	96.147.140.238	89.518.733.738
	108.022.614.166	107.970.839.328

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	131.458.617	2.707.366.902	5.159.629.954	5.577.720.804	133.333.060	2.291.150.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	332.314.065	-	1.292.797.188	-	-	960.483.123
Thuế thu nhập cá nhân	-	975.926.991	65.361.615	1.753.493.888	755.443.491	43.238.209
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	372.124.083	372.124.083	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	57.023	-	57.023	-	-
	463.772.682	3.683.350.916	6.895.912.840	7.709.395.798	888.776.551	3.294.871.827

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí trích trước của các hợp đồng tư vấn	266.152.077	517.287.623
- Chi phí bảo hiểm	185.308.842	273.119.740
	451.460.919	790.407.363

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	352.073.180	68.599.863
- Bảo hiểm xã hội	3.717.159	38.769.706
- Bảo hiểm y tế	-	8.669.862
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.360.624
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	436.048.400	450.313.920
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.445.896.134	41.803.084
- Các khoản về ủy thác đầu tư	2.250.000.000	2.250.000.000
- Các khoản phải trả chủ nhiệm công trình (*)	38.078.743.051	35.460.683.682
- Phải trả thù lao người đại diện vốn	1.103.691.820	553.866.660
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	52.000.000	52.000.000
	55.722.169.744	38.933.067.401

(*) Khoản phải trả khác là khoản phải trả cho các bộ phận nghiệp vụ, chủ nhiệm dự án về chi phí đã thực hiện các hợp đồng của Tổng Công ty theo tỷ lệ giao khoán.

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

Phải trả về ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama (Lilama Land)	2.250.000.000	2.250.000.000
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	375.000.000	375.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	375.000.000	375.000.000
Phải trả thù lao người đại diện vốn	812.954.981	437.066.664
- Nguyễn Đình Thi	54.354.496	6.000.000
- Nguyễn Trường Linh	71.777.514	36.000.000
- Nguyễn Xuân Hải	158.000.000	98.000.000
- Nguyễn Bá Minh	54.000.000	36.000.000
- Trần Bình Trọng	23.323.911	11.200.000
- Nguyễn Thị Tố Trinh	451.499.060	249.866.664
	3.062.954.981	2.687.066.664

19 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả liên quan đến Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên theo kết luận số 167/KL-TTCTP ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Thanh tra Chính Phủ về Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 – Công ty Gang thép Thái Nguyên và có thể phải trả lại giá trị hợp đồng đã thu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	357.744.480.000	5.267.881.744	19.011.450.717	382.023.812.461
Lãi trong kỳ trước	-	-	12.896.986.185	12.896.986.185
Phân phối lợi nhuận	-	-	(19.011.450.717)	(19.011.450.717)
Số dư cuối kỳ trước	357.744.480.000	5.267.881.744	12.896.986.185	375.909.347.929
Số dư đầu năm nay	357.744.480.000	5.267.881.744	17.906.023.147	380.918.384.891
Lãi trong kỳ này	-	-	15.784.861.408	15.784.861.408
Phân phối lợi nhuận	-	-	(17.906.023.147)	(17.906.023.147)
Số dư cuối kỳ này	357.744.480.000	5.267.881.744	15.784.861.408	378.797.223.152

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 28/06/2023, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

Số tiền
VND
Trích Quỹ thưởng của Người quản lý
514.500.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi
3.976.105.147
Chi trả cổ tức (bằng 3,75% vốn điều lệ)
13.415.418.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp cổ đông Nhà nước	87,32	312.377.480.000	87,32	312.377.480.000
Các cổ đông khác	12,68	45.367.000.000	12,68	45.367.000.000
	100	357.744.480.000	100	357.744.480.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	357.744.480.000	357.744.480.000
- Vốn góp đầu kỳ	357.744.480.000	357.744.480.000
- Vốn góp cuối kỳ	357.744.480.000	357.744.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	41.803.084	34.216.384
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	13.415.418.000	12.878.801.280
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	13.415.418.000	12.878.801.280
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(11.324.950)	(111.150)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(11.324.950)	(111.150)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	13.445.896.134	12.912.906.514

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.774.448	35.774.448
- Cổ phiếu phổ thông	35.774.448	35.774.448
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.267.881.744	5.267.881.744
	5.267.881.744	5.267.881.744

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG
a) Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 243 Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 2.500 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	42.464,32	37.850,32

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế	91.558.846.763	87.450.918.008
Doanh thu cho thuê sản văn phòng	3.637.973.618	3.130.604.978
	95.196.820.381	90.581.522.986

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ tư vấn, thiết kế đã cung cấp	77.912.536.173	73.564.212.868
Giá vốn cho thuê sản văn phòng	2.078.785.850	2.496.315.782
	79.991.322.023	76.060.528.650
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	1.479.643.347	246.238.508
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.527.941.535	1.648.618.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.459.222.917	9.261.375.310
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	36.726.403
	13.987.164.452	10.946.719.713
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan	9.013.997.265	7.292.463.310
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.062.806	142.412.212
Chi phí nhân công	4.827.351.571	4.305.899.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	689.251.603	495.365.781
Thuế, phí, lệ phí	377.124.083	259.219.308
Hoàn nhập dự phòng	(161.490.000)	(72.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.341.458	388.127.529
Chi phí khác bằng tiền	6.241.113.952	6.148.309.039
	12.255.755.473	11.667.333.195

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

26 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	145.909.091	-
Thu từ giải thưởng kết quả thi phương án thiết kế	300.454.545	25.000.000
Thu nhập khác	-	115.610.500
	446.363.636	140.610.500

27 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	10.626.992	63.392.576
Chi phí thi tuyển phương án thiết kế	252.163.118	23.750.000
Chi phí khác	33.618.754	57.087.222
	296.408.864	144.229.798

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.077.658.596	13.796.761.556
Các khoản điều chỉnh tăng	845.550.259	217.012
- Chi phí không hợp lệ	845.550.259	217.012
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.459.222.917)	(9.298.101.713)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.459.222.917)	(9.261.375.310)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	(36.726.403)
Thu nhập chịu thuế TNDN	6.463.985.938	4.498.876.855
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.292.797.188	899.775.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(332.314.065)	3.797.717
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(53.797.717)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	960.483.123	849.775.371

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.493.178.730	11.148.285.938
Chi phí nhân công	34.400.023.511	37.092.586.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.081.671.374	2.571.262.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.178.909.644	7.780.036.571
Chi phí khác bằng tiền	37.483.536.678	33.642.547.343
	97.637.319.937	92.234.719.118

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.433.346.907	-	-	26.433.346.907
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.998.536.683	107.902.000	-	60.106.438.683
Các khoản cho vay	139.120.000.000	-	-	139.120.000.000
	225.551.883.590	107.902.000	-	225.659.785.590

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.296.087.531	-	-	36.296.087.531
Phải thu khách hàng, phải thu khác	59.420.609.499	107.902.000	-	59.528.511.499
Các khoản cho vay	136.030.000.000	-	-	136.030.000.000
	231.746.697.030	107.902.000	-	231.854.599.030

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	62.769.272.155	301.667.320	-	63.070.939.475
Chi phí phải trả	451.460.919	-	-	451.460.919
	63.220.733.074	301.667.320	-	63.522.400.394
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	50.515.441.650	138.717.880	-	50.654.159.530
Chi phí phải trả	790.407.363	-	-	790.407.363
	51.305.849.013	138.717.880	-	51.444.566.893

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng VCC Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng (CONINCO)	Ông Nguyễn Xuân Hải - Phó Tổng Giám đốc VNCC đồng thời là Thành viên HĐQT CONINCO
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà số 5 Lạc Long Quân	Công ty liên kết của công ty con (USCO)
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động của Tổng Công ty
Các cá nhân, tổ chức khác là người có liên quan của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc <i>(Chi tiết được trình bày tại Báo cáo tình hình quản trị Tổng Công ty hàng kỳ)</i>	Người có liên quan đến Ban điều hành Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.013.997.265	7.292.463.310
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	68.601.265	58.567.310
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC)	1.346.400.000	1.346.400.000
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	-	1.111.810.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô Thị Việt Nam (VCC)	2.925.666.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn Xây dựng (INCOSAF)	818.300.000	948.150.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Tư vấn CIC	496.050.000	489.436.000
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam (VIWASE)	1.018.080.000	1.272.600.000
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	2.340.900.000	2.065.500.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.479.643.347	246.238.508
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình Vật liệu Xây dựng (CCBM)	220.384.088	246.238.508
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng (USCO)	1.259.259.259	-
Bán hàng hóa, dịch vụ	155.000.000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAGECCO)	155.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị		
Thân Hồng Linh	273.000.000	273.000.000
Kiều Bích Hoa	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Bá Minh	24.000.000	24.000.000
Tổng Văn Toàn (Bổ nhiệm ngày 28/06/2023)	-	-

Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị còn lại được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền lương và thù lao Ban Tổng Giám đốc		
Trần Đức Toàn	291.000.000	291.000.000
Trần Bình Trọng (Nghỉ hưởng chế độ hưu trí từ 01/05/2022)	-	88.000.000
Nguyễn Thị Tố Trinh	264.000.000	264.000.000
Nguyễn Đình Thi (Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2022)	216.000.000	216.000.000
Nguyễn Xuân Hải	216.000.000	216.000.000
Nguyễn Trường Linh (Bổ nhiệm ngày 01/08/2022)	216.000.000	-
Nguyễn Minh Hồng (Bổ nhiệm ngày 30/12/2022)	216.000.000	-

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát		
Nguyễn Văn Phúc	216.000.000	216.000.000
Hoàng Khánh Duy	18.000.000	18.000.000
Phạm Vũ Thành	18.000.000	18.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM - CTCP

243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



Trịnh Tuấn Anh
Người lập



Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



KTS. Trần Đức Toàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2023

